

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

MỐI QUAN HỆ TÔN GIÁO VÀ CHÍNH TRỊ NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ MÔ THỨC

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG^(*)

Tôn giáo và chính trị đều thuộc về kiến trúc thượng tầng của nhà nước. Giữa chúng có mối quan hệ với nhau. Tùy vào thời kì lịch sử, tùy vào thể chế nhà nước mà mối quan hệ giữa chúng có sự khác nhau.

Tôn giáo trong bài viết này được hiểu là thần học với những tín lí, tín điều về vũ trụ quan và nhân sinh quan.

Chính trị trong bài viết này được hiểu là học thuyết làm nền tảng cho thể chế nhà nước, cho việc xây dựng và phát triển nhà nước. Và vì vậy nó cũng được hiểu như thể chế nhà nước.

Căn tính của tôn giáo được quy định bởi thần học. Tôn giáo này khác tôn giáo kia trước hết và trên hết là bởi sự quy định của thần học.

Thể chế nhà nước hay căn tính của nhà nước được quy định bởi học thuyết chính trị mà nhà nước đó sử dụng.

Vì vậy mối quan hệ thần học và chính trị là mối quan hệ chiều sâu của tầng vĩ mô. Mối quan hệ này ảnh hưởng tới nhau như thế nào tất yếu sẽ tác động vào căn tính của tôn giáo lẫn thể chế nhà nước. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng. Nghiên cứu về các mối quan hệ tôn giáo vì vậy không thể không nghiên cứu về mối quan hệ tôn giáo (thần học) và chính trị (thể chế nhà nước). Vấn đề nghiên cứu

sẽ chỉ ra các dạng thức của mối quan hệ; hệ quả của các dạng thức là mô thức của thể chế nhà nước. Đồng thời việc nghiên cứu cũng chỉ ra được sự tác động của chính trị đến tôn giáo. Việc nghiên cứu tất yếu phải dựa chắc chắn vào nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chính vì thế mà bài viết này tập trung vào hai nội dung chính sau:

- Quan niệm của Mác, Ăngghen và tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ tôn giáo và chính trị;
- Những biểu hiện của mối quan hệ tôn giáo và chính trị.

I. QUAN NIỆM CỦA MÁC, ĂNGGHEN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ TÔN GIÁO VÀ CHÍNH TRỊ

1.1. Quan niệm của Mác, Ăngghen về mối quan hệ tôn giáo và chính trị

C.Mác và Ph.Ăngghen không phải là những nhà nghiên cứu về tôn giáo chuyên nghiệp. Để xây dựng học thuyết của mình nhằm giải quyết những nhiệm vụ chính trị thực tiễn của phong trào giải phóng giai cấp công nhân, trong một số luận văn

*. PGS.TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

về triết học và chính trị học⁽¹⁾ hai ông có gắn với vấn đề tôn giáo. Trong những luận văn này hai ông đã “mổ xẻ” tôn giáo bằng thể giới quan duy vật biện chứng và lập trường chính trị của giai cấp công nhân. Thông qua những “mổ xẻ” này hai ông hướng tới xây dựng một thể giới quan khoa học của giai cấp công nhân và phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân. Vấn đề mối quan hệ tôn giáo và chính trị vì vậy được Mác và Ăngghen đề cập đến dưới góc độ khác nhau. Chúng ta có thể đúc rút ra một số vấn đề cơ bản sau đây.

Thứ nhất: Mác và Ăngghen cho ta một cách nhìn khái quát về sự ra đời của thần học, mối quan hệ thần học và chính trị qua trường hợp thần học Kitô giáo mà bản dịch dưới đây gọi là đạo Cơ Đốc. “Tôn giáo thế giới mới, tức đạo Cơ Đốc, đã lặng lẽ ra đời từ sự hỗn hợp của thần học Đông Phương đã được khái quát, nhất là thần học Do Thái, với triết học Hy Lạp đã được thông tục hóa, nhất là triết học khắc kỷ. Muốn biết đạo Cơ Đốc lúc đầu như thế nào, chúng ta trước hết phải nghiên cứu tỉ mỉ, vì hình thức quan phương được truyền lại đến chúng ta, chỉ là hình thức khi nó đã trở thành quốc giáo và đã được hội nghị Nikêa làm cho thích hợp với mục đích đó. Chỉ cái việc là 250 năm sau khi ra đời, đạo Cơ Đốc trở thành một quốc giáo, cũng đủ chứng minh rằng nó là tôn giáo thích hợp với hoàn cảnh của thời đại. Trong thời Trung cổ, đạo Cơ Đốc cũng phát triển theo sự phát triển của chế độ phong kiến mà nó trở thành tôn giáo phù hợp với chế độ ấy, và có một tôn ti phong kiến tương ứng. Và khi tầng lớp thị dân ra đời thì dị giáo Tin Lành, đối lập với đạo Thiên Chúa phong kiến, phát triển trước hết trong những người Anbi ở miền Nam nước Pháp, trong thời phồn thịnh nhất của các đô thị ở miền đó. Thời Trung cổ đã sáp nhập vào thần học tất cả các hình thức khác của hệ tư tưởng triết học,

chính trị học, pháp luật học. Do đó nó buộc mỗi phong trào xã hội và chính trị phải mang hình thức thần học; muốn tạo ra một phong trào như vũ bão, cần phải đưa ra cho quần chúng mà tình cảm được nuôi dưỡng chỉ bằng tôn giáo, những lợi ích thiết thân của họ dưới bộ áo tôn giáo”⁽²⁾.

Luận đề trên đây được Ph.Ăngghen trình bày trong tác phẩm: *Lútích Phoiơbắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*. Luận đề trên, theo chúng tôi, làm sáng tỏ 3 nội dung sau:

a. Khi nhà nước sử dụng thần học thì thần học phải được nhào nặn lại cho phù hợp với mục đích của nhà nước. Bản thân tôn giáo muốn tồn tại, phát triển trong lòng nhà nước phải phát triển theo sự phát triển của nhà nước về lĩnh vực thần học cũng như lĩnh vực hệ thống tổ chức.

b. Khi tôn giáo trở thành quốc giáo thì chính trị chỉ là một phần của thần học, hoàn toàn không ngang bằng với thần học và càng không đứng trên thần học, bao chứa thần học.

c. Thời kì phong kiến phong trào chính trị, xã hội muốn phát triển mạnh mẽ phải mang hình thức thần học.

Luận đề của Ph.Ăngghen nhìn từ Kitô giáo nhưng soi dọi vào các tôn giáo khác như Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Islam giáo về cơ bản cũng thấy sự ra đời của thần học và mối quan hệ giữa thần học và chính trị là tương tự Kitô giáo. Chẳng hạn như Nho giáo: Nhà nước phong kiến (Trung Quốc, Việt Nam...) sử dụng Nho

1. Đó là những tác phẩm: *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*; *Bản thảo kinh tế - triết học 1844*; *Hệ tư tưởng Đức*; *Góp phần phê phán khoa kinh tế - chính trị*; *Chống Đuyrinh*; *Lútích Phoiơbắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*; *Luận cương về Phoiơbắc*.

2. Nguyễn Đức Sự. *C.Mác-Ph.Ăngghen về vấn đề tôn giáo*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1999, tr. 503-504.

giáo và nhào nặn cho nó phù hợp. Nho giáo phát triển dựa theo mô hình của nhà nước phong kiến. *Thái Bình kinh* của Đạo giáo được dùng làm sách vĩ phục vụ chính trị. Để lãnh đạo nông dân khởi nghĩa Trương Giác (Trung Quốc) đưa ra câu sấm nổi tiếng: Thượng thiên dĩ tử, hoàng thiên đương lập; Tuế tại Giáp tí, thiên hạ đại cát (Trời xanh đã chết, trời vàng được lập vào năm Giáp tí, thiên hạ thái bình). Trời xanh chỉ nhà Đông Hán. Trời vàng chỉ quân khởi nghĩa, nên đều dùng khăn vàng (hoàng cân) nổi lên vào ngày Giáp Tí năm Giáp Tí, tức ngày mồng 5 tháng 5 năm Giáp tí (năm 184)⁽³⁾.

Thứ hai: Nhà nước, xã hội sản sinh ra tôn giáo. Mỗi tôn giáo đều gắn với thể chế nhà nước, phản ánh hình mẫu nhà nước. Luận điểm này được thể hiện trong đoạn văn sau đây của C. Mác: Nhà nước ấy, xã hội ấy sản sinh ra tôn giáo⁽⁴⁾.

Thứ ba: Ảnh hưởng qua lại giữa học thuyết chính trị - tư tưởng của nhà nước với thần học tôn giáo. ảnh hưởng này được thể hiện qua thể chế nhà nước - tôn giáo với mô hình cặp đôi như nhà nước phong kiến với Công giáo, nhà nước tư bản với Tin Lành giáo.

Trong *Lời tựa* viết cho lần xuất bản bằng tiếng Anh tác phẩm *Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học*, Ph.Ăngghen cho thấy khá rõ ảnh hưởng qua lại giữa Công giáo và phong kiến Tây Âu: “Nhưng trung tâm quốc tế lớn của chế độ phong kiến là Giáo hội Thiên Chúa Rôma. Nó thống nhất toàn Tây Âu phong kiến - bắt chấp cả những cuộc chiến tranh nội bộ - thành một chỉnh thể chính trị lớn đối lập với thế giới Hy Lạp thuộc giáo phái li khai, cũng như đối lập với thế giới Hồi giáo. Nó khoác cho chế độ phong kiến một vòng hào quang thần thánh. Nó đã xây dựng hệ thống cấp bậc của bản thân nó theo mẫu mực của chế độ phong kiến và rút

cục nó trở thành một chúa phong kiến lớn nhất, bởi vì ít ra một phần ba đất đai của thế giới theo đạo Thiên Chúa là thuộc về nó”⁽⁵⁾.

Ngày nay với độ lùi của lịch sử với cách nhìn biện chứng và nghiêm túc chúng ta thấy rõ một điều là C. Mác, Ph. Ăngghen nhìn nhận thần học tôn giáo chủ yếu thông qua thần học Kitô giáo. Do vậy, mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị được C.Mác, Ph.Ăngghen phân tích chủ yếu là dựa vào mối quan hệ phong kiến với Công giáo, thị dân với Tin Lành giáo ở Phương Tây. Vì vậy, những luận điểm mà C.Mác và Ph.Ăngghen đưa ra nên được xem là phương pháp luận để nhìn nhận mối quan hệ cặp đôi nhà nước - tôn giáo ở Phương Đông như Trung Quốc và Việt Nam chẳng hạn. Do tính đặc thù của tôn giáo Phương Đông nên về đại quát luận điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen là phù hợp, nhưng đi vào từng tôn giáo cụ thể thì có những biểu hiện đặc thù. Chẳng hạn như Phật giáo một tôn giáo “tùy duyên” đã “cặp đôi” với các loại hình nhà nước, nên mối quan hệ qua lại có những biểu hiện đặc thù. Ở đó thần học và chính trị ít có sự thôn tính loại trừ nhau mà thường hòa quyện một cách hài hòa.

Về mối quan hệ tôn giáo và chính trị, Mác và Ăngghen nghiêng về phía phê phán chính trị lợi dụng tôn giáo để thống trị nhân dân. Vì vậy, tôn giáo trở thành đối tượng của chính trị. Trong tác phẩm: *Lútích Phoiơbắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*, Ph. Ăngghen viết: “Song vì hồi đó, chính trị là một lĩnh vực rất gai góc, nên cuộc đấu tranh chủ yếu là nhằm chống tôn giáo. Nhưng hồi đó, nhất

3. Nguyễn Duy Hình. *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003, tr. 71.

4. Nguyễn Đức Sự (chủ biên). *Các Mác - Ph. Ăngghen về vấn đề tôn giáo*, Sđd., tr. 118.

5. Nguyễn Đức Sự (chủ biên). *C. Mác - Ph. Ăngghen về vấn đề tôn giáo*, Sđd., tr. 524-525.

là từ năm 1840, đấu tranh chống tôn giáo cũng gián tiếp là đấu tranh chính trị”⁽⁶⁾.

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ tôn giáo và chính trị

Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ tôn giáo và chính trị bắt nguồn từ quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về tôn giáo. Song nó còn được thấm nhuần bởi nền tảng văn hóa - tôn giáo Phương Đông đặc biệt là văn hóa - tôn giáo Việt Nam. Ở một dân tộc đa tôn giáo, một dân tộc mà tôn giáo có vai trò trong văn hóa, đặc biệt là chính trị, góp phần vào việc xây dựng và phát triển đất nước, Hồ Chí Minh đã có nhãn quan biện chứng về mối quan hệ tôn giáo và chính trị.

Thứ nhất, Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo nói chung và về mối quan hệ tôn giáo và chính trị nói riêng, Người chưa bao giờ chủ trương xóa bỏ tôn giáo; đối đầu chính trị với tôn giáo. Khi phê phán tôn giáo, Người chỉ phê phán chủ nghĩa giáo hội, phê phán các thế lực chính trị lợi dụng tôn giáo tham gia vào những hoạt động đi ngược lại lợi ích dân tộc, những hành động bóc lột quần chúng tín đồ hoặc những việc làm phản văn hóa.

Thứ hai, Hồ Chí Minh triệt để khai thác, vận dụng những tư tưởng tốt đẹp của thần học tôn giáo vào hoạt động chính trị mà cụ thể là cuộc đấu tranh đánh đuổi thực dân đế quốc, giành lại độc lập cho dân tộc và xây dựng một đất nước Việt Nam mới. Với Nho giáo, người khai thác cái tinh túy của nó là TRUNG-HIỆU. Từ cái tinh túy đó Hồ Chí Minh đã đưa vào tư tưởng mới là Trung với Nước, Hiếu với Dân.

Cho đến khi tiến hành công cuộc cải cách mở cửa, Trung Quốc mới quay lại đề cao những giá trị đạo đức, nhân văn của Nho giáo và vận dụng vào xây dựng, phát triển đất nước. Nhưng ngay từ

năm 1927, Hồ Chí Minh với cách nhìn biện chứng và thiên tài đã ghi nhận các giá trị này. Trong bài *Khổng Tử* viết tại Quảng Châu ngày 20/2/1927 của Người có đoạn: “Với việc xóa bỏ những lễ nghi tưởng niệm Khổng Tử, Chính phủ Trung Quốc đã làm mất đi một thể chế cũ và trái với tinh thần dân chủ. Còn những người An Nam chúng ta hãy tự hoàn thiện mình, về mặt tinh thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử, về mặt cách mạng thì cần đọc các tác phẩm của Lênin”⁽⁷⁾.

Những tư tưởng của Phật giáo như từ bi, cứu khổ, cứu nạn, lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha được Hồ Chí Minh hiểu biết rất sâu sắc để rồi vận dụng, kế thừa vào công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước.

Việc triệt để khai thác, vận dụng những tư tưởng tốt đẹp của thần học tôn giáo vào hoạt động chính trị của Hồ Chí Minh thể hiện cụ thể ở quan điểm sau đây của Người: “Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân.

Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó, chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên cõi đời này, nếu họ hợp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mĩ như những người bạn thân thiết.

6. Nguyễn Đức Sự (chủ biên). *C.Mác - Ph.Ăngghen về vấn đề tôn giáo*, Sđd, tr.488.

7. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.142.

Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy”⁽⁸⁾.

Thứ ba, Xuất phát từ việc kế thừa những tư tưởng tốt đẹp của thần học tôn giáo vào hoạt động chính trị nên Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng một nhà nước mà ở đó chính trị và tôn giáo đều tự do phát triển. Trong *Thư gửi những người làm công tác văn hóa và trí thức Nam Bộ* đề ngày 23 tháng 5 năm 1947, Hồ Chí Minh tỏ rõ quan điểm này: “Chính phủ cùng toàn thể đồng bào Việt Nam kiên quyết chiến đấu, tranh quyền thống nhất và độc lập cho nước nhà để cho văn hóa cũng như chính trị và kinh tế, tín ngưỡng, đạo đức đều được phát triển tự do”⁽⁹⁾.

Ngoài ra, còn các quan điểm tự do tín ngưỡng của Mặt trận Việt Minh, quan điểm tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Những quan điểm trên đã tạo ra sự đồng thuận giữa người có tín ngưỡng, tôn giáo với người không có tín ngưỡng, tôn giáo, động viên tối đa chức sắc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo tham gia vào hoạt động chính trị, cũng có nghĩa là tham gia vào sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, một Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng.

Thứ tư, Hồ Chí Minh phân biệt rõ ràng những giá trị tốt đẹp của thần học tôn giáo với việc lợi dụng thần học và thần quyền của các thế lực chính trị phản động. Từ đó Người sử dụng một cách tài tình, khéo léo những giá trị tốt đẹp của thần học tôn giáo để chống lại sự lợi dụng nó. *Đó chính là việc dùng tôn giáo để giải quyết vấn đề chính trị. Hoặc dùng tôn giáo để giải quyết vấn đề tôn giáo*. Quan điểm này hiện đang được Đảng ta áp dụng và hiệu quả từ cuộc sống là rất tốt đẹp.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ tôn giáo và chính trị được đề cập ở trên đã góp phần quan trọng vào việc làm

phong phú tư tưởng này của C.Mác và Ph.Ăngghen.

II. NHỮNG BIỂU HIỆN CỦA MỐI QUAN HỆ TÔN GIÁO VÀ CHÍNH TRỊ

Quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen và tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ tôn giáo và chính trị là cơ sở để chúng ta nhìn nhận và phân tách một cách cụ thể những biểu hiện của mối quan hệ tôn giáo và chính trị. Theo chúng tôi, có ba loại biểu hiện sau đây:

- Chính giáo hợp nhất;
- Chính giáo phân li;
- Chính giáo hoà hợp.

Sau đây chúng tôi lần lượt đi vào từng biểu hiện.

2.1. Chính giáo hợp nhất

Luận điểm chính giáo hợp nhất (nhà nước và nhà thờ/giáo hội hợp làm một) được Ph. Ăngghen đề cập trong tác phẩm: *Phridrich Vinhem IV, vua nước Phổ* như sau: “Trong nhà nước Tin Lành, vua là summus episcopus (giáo chủ tối cao) và kết hợp trong con người của mình quyền lực tối cao của nhà thờ và của nhà nước; mục đích cuối cùng của hình thức nhà nước này là sự hợp nhất nhà nước và nhà thờ, như Hêghen nói”⁽¹⁰⁾.

“Trong lịch sử thế giới, hình thức chính giáo hợp nhất là vô cùng phong phú và khác nhau rất lớn. Nhà xã hội học Đức, Max Weber, đã tiến hành phân tích rất có hệ thống đặc điểm và loại hình của chính giáo hợp nhất, tập trung thể hiện trong chương 6 của cuốn *Xã hội học chi phối* và trong cuốn *Xã hội học quyền thống trị tôn giáo*. Nói một cách khái

8. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*. Sdd, tr.185.

9. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*. Sdd, tr.197.

10. Nguyễn Đức Sự (chủ biên). *C.Mác - Ph.Ăngghen về vấn đề tôn giáo*, Sdd, tr.139.

quát, thể chế chính giáo hợp nhất trên thế giới có hai đặc trưng cơ bản: 1. Thần học tôn giáo là chuẩn tắc tối cao của hình thái ý thức nhà nước, kẻ thống trị bị thần thánh hoá trở thành hóa thân hoặc đại diện của thần thánh; 2. Nhân viên chức sắc tôn giáo trực tiếp tham gia quản lý hoặc khống chế bộ máy nhà nước. Trong lịch sử thế giới có ba loại mô thức chính giáo hợp nhất điển hình: *Thứ nhất* là chính trị tăng lữ (hierocracy), trong loại chính thể này, lãnh tụ tôn giáo cũng là nguyên thủ quốc gia, kẻ chấp chính lấy giáo sĩ làm chủ đạo, giáo pháp và thần học tôn giáo chính là pháp luật và hình thái ý thức của quốc gia, tiêu biểu của loại này là chính quyền người Do Thái của Moses trong Cựu ước, giáo triều Rôma của Vatican và chính quyền Tây Tạng cũ ở Trung Quốc; *Thứ hai* là chính trị thần quyền (theocracy), trong loại hình chính thể này, hình thái ý thức nhà nước chính là thần học tôn giáo, chính quyền nhà nước vận hành dưới sự chỉ đạo và giám sát của quyền uy tôn giáo, giáo sĩ trực tiếp đảm nhận chức vụ lãnh đạo bộ phận cơ cấu hành chính, tiêu biểu của loại này là chính quyền phái Calvin Anh thời kì thống trị của Oliver Cromwell ở giữa thế kỉ XVII, hay chính quyền Iran thời kì Khômeini ở thập niên 80 thế kỉ trước; *Thứ ba* là thể chế quân chủ giáo chủ, nghĩa là nguyên thủ quốc gia cũng là lãnh tụ tối cao của tôn giáo, quân quyền khống chế thần quyền⁽¹¹⁾. Về trường hợp này Ph.Ăngghen trong tác phẩm *Phridrich Vinhem IV, vua nước Phổ* đã phân tích khá kĩ: “Song cái địa vị giáo chủ của quốc vương - cũng như toàn bộ đạo Tin Lành - là một sự nhượng bộ đối với nguyên tắc thế tục. Vì địa vị giáo chủ của quốc vương thừa nhận sự cần thiết phải có người thủ lĩnh trông thấy rõ của nhà thờ, cho nên nó là sự xác nhận và chứng thực địa vị đứng đầu của giáo hoàng, nhưng, mặt khác, nó tuyên bố

quyền lực trần tục, quyền lực thế tục, tức quyền lực nhà nước là tối cao tuyệt đối và bắt quyền lực nhà thờ phải phục tùng quyền lực nhà nước. Đây không phải là xác lập một sự bình đẳng nào đó giữa thế tục và giáo hội, mà là giáo hội phải phục tùng thế tục. Bởi vì nhà vua đã là nhà vua trước khi là summus episcopus, và sau khi đã là summus episcopus vua chủ yếu vẫn là vua, mà không được ban một chức vị giáo hội nào cả. Mặt khác của vấn đề là, giờ đây quốc vương tập trung toàn bộ quyền lực, quyền lực trần gian và quyền lực trên trời vào trong con người của mình, với tư cách là Thượng Đế của trần gian, ông ta là một biểu hiện hoàn thiện của nhà nước tôn giáo”⁽¹²⁾.

Mô thức chính giáo hợp nhất thứ ba được Ph. Ăngghen làm sáng tỏ như vừa trình bày ở trên cho thấy nét đặc trưng là quyền lực tối cao của chính quyền và giáo quyền nằm trong tay một người. Đó là thể chế QUÂN CHỦ - GIÁO CHỦ. Trên thực tế, vương quyền khống chế giáo quyền, chính quyền cao hơn giáo quyền, đem giáo quyền đặt dưới sự khống chế của mình, phục vụ sự thống trị của mình.

2.2. Chính giáo phân li

Hình thức chính giáo phân li ngược lại với hình thức chính giáo hợp nhất. Ở đó nhà thờ tách khỏi nhà nước. Nhà thờ/giáo hội tôn giáo hoạt động thuần túy tôn giáo không can thiệp vào hoạt động của nhà nước. Đồng thời nhà nước quản lý nhà thờ/giáo hội bằng pháp luật. Tiêu biểu ở đây là nước Pháp với Luật Phân li ban hành ngày 9/12/1905. Mô thức chính giáo phân li được Ph.Ăngghen đề cập đến trong tác phẩm: *Góp phần phê phán dự*

11. Tăng Truyền Huy. *Giải mã tình hình chính trị và tôn giáo Tây Tạng đương đại qua so sánh bốn văn kiện lịch sử quan trọng*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 2-2009, tr. 49-50.

12. Nguyễn Đức Sự (chủ biên). *C.Mác - Ph. Ăngghen về vấn đề tôn giáo*, Sđd, tr.139-140.

thảo cương lĩnh năm 1891 của đảng Dân chủ - Xã hội: “Tách hẳn nhà thờ ra khỏi nhà nước. Tất cả những đoàn thể tôn giáo, không trừ một đoàn thể nào, đều sẽ được nhà nước coi là những hội tư nhân”⁽¹³⁾.

2.3. Chính giáo hòa hợp

Có thể coi đây là một hình thức tổng hợp với nhiều dạng mô thức.

Mô thức thứ nhất: thần học tôn giáo có vai trò chủ đạo trong hệ tư tưởng trị nước và là nguồn gốc của pháp luật. Nghiên cứu về nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ cũng như các nhà nước Phương Đông, C.Mác chỉ rõ: “Nhưng nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ cũng như tất cả các nhà nước Phương Đông, lại được xây dựng trên cơ sở sự hòa nhập hết sức chặt chẽ và gần như là sự đồng nhất giữa nhà nước và giáo hội, giữa chính trị và tôn giáo. Đối với đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ và nhà cầm quyền của nó, thì kinh Islam giáo là nguồn gốc tín ngưỡng vừa là nguồn gốc của pháp luật”⁽¹⁴⁾.

Mô thức này khá phổ biến trong lịch sử thế giới từ cổ đại đến nay. Ở Trung Quốc khi Nho giáo ra đời, nhà nước phong kiến Trung Quốc sử dụng Nho giáo làm hệ tư tưởng trị nước và vì vậy Nho giáo chi phối tư tưởng cũng như pháp luật của nhà nước phong kiến Trung Quốc. Nhà nước phong kiến Việt Nam thời Đinh - Lê - Lý - Trần bị chi phối bởi Phật giáo, thời Lê - Nguyễn bị chi phối bởi Nho giáo. Tuy nhiên, với nhà nước phong kiến Trung Quốc, nhà nước phong kiến Việt Nam, do trong lòng xã hội nó tồn tại tam giáo (Nho, Phật, Đạo) chứ không phải là tôn giáo độc thần nên một tôn giáo nào đó trong một thời kì lịch sử nào đó chỉ giữ vai trò chủ đạo. Bởi hệ tư tưởng nhà nước còn bị hai tôn giáo còn lại chi phối. Vì vậy, có nhà nghiên cứu cho rằng, nhà nước phong kiến Trung Quốc

“lấy Nho trị quốc, lấy Phật trị tâm, lấy Đạo trị thân”⁽¹⁵⁾.

Mô thức này đang hiện diện ở hàng loạt các nước lấy một tôn giáo nào đó như Islam giáo, Phật giáo, Anh giáo hay Chính Thống giáo làm quốc giáo.

Mô thức thứ hai: về quan phương nhà nước là nhà nước thế tục nhưng nhà nước đã khai thác, ứng dụng những tư tưởng thần học phù hợp để xây dựng đất nước. Giáo hội và các đoàn thể tôn giáo đồng thuận với nhà nước. Giáo sĩ, nhà tu hành trong những chừng mực khác nhau tham gia vào tổ chức công quyền: tôn giáo được huy động vào các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội.

Trong lịch sử cũng như hiện tại, mô thức này được thể hiện khá nhiều. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nay là nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc về mô thức này.

Các tôn giáo lớn ra đời đều dựa trên nền tảng chính trị, văn hóa, xã hội của một nhà nước nhất định. Vì vậy, tôn giáo và chính trị luôn có mối quan hệ với nhau. Tuy theo mỗi thời kì lịch sử, tùy theo vị trí mỗi tôn giáo (độc thần, đa thần, đa phiếm thần) đồng thời tùy theo thể chế nhà nước mà tôn giáo và chính trị hay thần học và nhà nước có mối quan hệ khác nhau. Dựa trên quan niệm của C.Mác, Ph.Ăngghen và tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ tôn giáo và chính trị, chúng tôi đưa ra những mô thức trên. Có thể có những cách tiếp cận khác, cũng có thể còn có những mô thức khác. Xin được bạn đọc chỉ giáo./.

13. Nguyễn Đức Sự (chủ biên). *C.Mác - Ph.Ăngghen về vấn đề tôn giáo*, Sđd, tr.520.

14. Nguyễn Đức Sự (chủ biên). *C.Mác - Ph.Ăngghen về vấn đề tôn giáo*, Sđd, tr.324.

15. Trần Lâm Thụ, Trần Hà. *Tôn giáo học nguyên lí*, Tôn giáo văn hóa xuất bản xã, 1999, Tr.354 (bản tiếng Trung).